

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Trọng Thơi và ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Huế, thành phố Huế, số N đường L, xã P, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, phường H, thành phố Huế, có mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Minh Nh, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn T, phường H, thành phố Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 23 tháng 01 năm 2025, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Ngô Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Dương Minh Nh quen và tìm hiểu nhau một thời gian. Sau đó chị L và anh Nh tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường H, thành phố Huế). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của ba mẹ chồng ở địa chỉ thôn T, phường H, thành phố Huế. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ vì anh Nh thường xuyên mượn tiền chị L để đánh bài bạc, chị L không đưa là gây gổ với chị L. Hai năm trước anh Nh cũng thường xuyên đánh chị L mỗi khi gây nhau, hai năm trở lại đây chị L không nói chuyện nhiều nên vợ chồng chỉ gây gổ không có hành động nào khác. Đầu năm 2025 anh Nh về nhà bảo chị L đi mượn 10 triệu đồng cho anh Nh nhưng chị L không chịu nên anh Nh gây gổ với chị L và đuổi chị L ra khỏi nhà. Chị L đã bỏ đi ra khỏi nhà từ đầu năm 2025, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay, chị L đang sống với nhà ba mẹ ruột ở thôn B (thôn T cũ), phường P, thành phố Huế. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống hạnh phúc với nhau nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Dương Minh Nh.

Về con chung: Chị Ngô Thị L trình bày vợ chồng có 01 người con chung là Dương Thị Minh Th, sinh ngày 05/11/2010. Đầu năm 2025, khi chị L bỏ đi cháu Th ở với anh Nh, lúc chị L đi không đem theo con vì mỗi lần gây nhau trước đó chị L có dẫn con theo nhưng anh Nh cứ giành giật làm con sợ nên lần này chị L không đem con theo để tránh ảnh hưởng tinh thần của con. Cuối tháng 7/2025, anh Nh giao con cho chị L nuôi cho đến nay. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Thị Minh Th cho đến khi cháu Dương Thị Minh Th trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Dương Minh Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ngô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2025, bị đơn là anh Dương Minh Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Minh Nh và chị Ngô Thị L quen và tìm hiểu nhau một thời gian. Sau đó anh Nh và chị L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường H, thành phố Huế). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà ba mẹ anh Nh ở địa chỉ Thôn T, xã T, thị xã H (nay thuộc phường H, thành phố Huế). Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không đồng lòng dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Tháng 02 năm 2025, chị L về nhà cha mẹ để sinh sống tại thôn B (thôn T cũ), phường P, thành phố Huế (nay thuộc phường P, thành phố Huế) từ đó cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Nh thì anh Nh không đồng ý ly hôn do anh Nh vẫn còn tình cảm với chị L, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Anh Nh đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng quay lại với nhau.

Về con chung: Anh Dương Minh Nh trình bày vợ chồng có 01 người con chung là Dương Thị Minh Th, sinh ngày 05/11/2010, hiện nay con đang ở với anh Nh. Trường hợp phải ly hôn, anh Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh Nh đang làm xây dựng,

lao động tự do thu nhập mỗi tháng 10 triệu đồng, chị L làm công nhân mỗi tháng 05 triệu đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Dương Minh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, thành phố Huế (nay thuộc phường H, thành phố Huế) cho biết: Chị Ngô Thị L và anh Dương Minh Nh tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường H, thành phố Huế). Quá trình chung sống, chị L và anh Nh có 01 người con chung là cháu Dương Thị Minh Th, sinh ngày 05/11/2010. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc chị L yêu cầu ly hôn với anh Nh thì phía chính quyền địa phương không rõ. Hiện nay chị L và anh Nh đã sống ly thân với nhau, chị L đã chuyển về nhà ba mẹ đẻ ở xã T, thị xã H (nay thuộc phường P, thành phố Huế) để sinh sống. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nh thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, đồng thời ngày 11/6/2025 chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 30/7/2025, anh Nh vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 07/8/2025, đồng thời tổng đạt các văn bản trên cho anh Nh. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Ngô Thị L được ly hôn anh Dương Minh Nh; giao cháu Dương Thị Minh Th, sinh ngày 05/11/2010 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Dương Thị Minh Th trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Dương Minh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ngô Thị L và anh Dương Minh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Dương Minh Nh có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã T, thị xã H, thành phố Huế, (nay thuộc phường H, thành phố Huế). Do vụ án đã được Tòa án nhân dân thị xã H (cũ) thụ lý đúng thẩm quyền nên nay vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Huế, thành phố Huế là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân”.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là anh Dương Minh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Dương Minh Nh có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường H, thành phố Huế) trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Nh là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị L và anh Nh đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2025 đến nay. Anh Nh đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng quay lại với nhau nhưng anh Nh không có mặt tại các buổi hòa giải tại Tòa án. Điều này chứng tỏ anh Nh không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị L. Chị L không còn tình cảm và cũng không thể trở về chung sống với anh Nh. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Dương Minh Nh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn anh Nh là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Ngô Thị L và anh Dương Minh Nh trình bày vợ chồng có 01 người con chung là Dương Thị Minh Th, sinh ngày 05/11/2010.

Xét yêu cầu nuôi con thì thấy rằng: Chị L và anh Nh đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Đầu năm 2025, khi chị L bỏ đi thì cháu Th ở với anh Nh. Đến cuối tháng 7/2025, anh Nh giao con cho chị L nuôi dưỡng cho đến nay. Cháu Th là con gái và đang ở giai đoạn dậy thì, có sự phát triển về thể chất, nhận thức, cảm xúc và xã hội, đây là giai đoạn rất quan trọng và rất khó khăn đối với bản thân cháu và người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Mặc dù cả chị L và anh Nh đều yêu thương và đủ điều kiện nuôi dưỡng nhưng với tính chất công việc và đặc trưng về giới, chị L là phụ nữ sẽ có kinh nghiệm và phương pháp trao đổi tâm tư nguyện vọng của con gái nên việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Đồng thời, cháu Th cũng có nguyện vọng được ở với chị L. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ của con nên cần giao con cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Ngô Thị L không yêu cầu anh Dương Minh Nh cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ngô Thị L và anh Dương Minh Nh không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L. Chị Ngô Thị L được ly hôn anh Dương Minh Nh.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Dương Thị Minh Th, sinh ngày 05/11/2010 cho chị Ngô Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Dương Thị Minh Th trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Dương Minh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Dương Minh Nh có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ngô Thị L và anh Dương Minh Nh không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Ngô Thị L đã nộp theo biên lai số 0001525 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, thành phố Huế (nay thuộc Thi hành án dân sự thành phố Huế). Chị Ngô Thị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết/tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- VKSND Khu vực 4 - Huế;
- UBND phường H, thành phố Huế;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ, lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú